

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HS-ST

Ngày: 27/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Lâm
2. Ông Nguyễn Hoàng Tú

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Tường Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lữ Phương Đại – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 06 năm 2023 tại phòng xử án - trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 84/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 05 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 06 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Quang T, tên gọi khác: không; Sinh năm 1997, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 364/5 đường số X, Phường H, Thành phố C, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 423A2 Nơ Trang L, Phường I, quận Z, TP. Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Giao hàng; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Quang R và bà Lê Thị Hồng G; Vợ: Tôn Phan Na G; có 02 con: con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2023; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là người thứ nhất trong gia đình.

Nhân thân:

- Ngày 26/12/2013, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh tuyên phạt 18 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 18/02/2014, T đã đóng án phí sơ thẩm. Ngày 11/02/2015, T đã chấp hành xong hình phạt tù (BL: 102 – 106)

- Ngày 19/01/2016, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh tuyên phạt 02 năm tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 12/04/2016, T đã đóng án phí sơ thẩm. Ngày 23/03/2017, T đã chấp hành xong hình phạt tù (BL: 107 – 111)

Tiền sự, Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/12/2022.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Bành Văn D**, tên gọi khác: không; Sinh năm: 1988, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 281/14 Lê Quang D, Phường J, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 281/14 Lê Quang D, Phường J, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bành Văn V và bà Tào Thị Ngọc S; Vợ con: không có; Gia đình bị cáo có 04 anh, chị, em; Bị cáo là con lớn nhất trong gia đình.

Nhân thân:

- Ngày 17/11/2014, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh tuyên phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Ngày 17/03/2015, D đã đóng án phí sơ thẩm. Ngày 17/11/2015, D đã chấp hành xong thời gian thử thách của án treo.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/12/2022.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Tiêu E (vắng mặt).

Địa chỉ: 21/8/77 Lê Công P, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 01 giờ 00 ngày 01/12/2022, Công an quận Bình Thạnh kiểm tra hành chính Phòng 202, khách sạn Đại Hồng, địa chỉ: 142 Nơ Trang L, Phường N, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh, trong phòng có Trần Quang T và Bành Văn D. Qua kiểm tra, phát hiện trên sàn nhà vệ sinh có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (qua giám định là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,3328 g), T khai là gói ma túy T vừa ném xuống sàn, kiểm tra phát hiện D cầm trên tay 01 túi nylon đen đựng 01 nỏ thủy tinh và 02 ống hút nhựa. Cả hai khai nhận đến thuê phòng để sử dụng ma túy nên Công an tiến hành bàn giao đối tượng cùng tang vật cho Công an phường 14, quận Bình Thạnh lập biên bản phạm tội quả tang và chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Bình Thạnh lập hồ sơ xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Bình Thạnh, T và D khai nhận như sau: Khoảng 00 giờ 00 ngày 01/12/2022, D gọi điện thoại cho T rủ đi nhậu và T đồng ý, khi cả hai gặp nhau tại trước hẻm nhà D thì nảy sinh ý định mua ma túy cùng nhau sử dụng. T và D thỏa thuận: D sẽ bỏ tiền mua ma túy, còn T sẽ bỏ tiền thuê khách sạn. Do D không có tiền nên đã nói T ứng trước 200.000 đồng rồi D sẽ trả lại sau. T biết chỗ mua ma túy nên đã gọi điện thoại cho một người đàn ông tên F (không rõ lai lịch) sử dụng số điện thoại 090.295.3829 hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá và người này đồng ý. Sau đó T điều khiển xe mô tô biển số: 59E1 – 878.29,

D điều khiển xe mô tô biển số: 54S2 – 3663, cả hai cùng đi mua ma túy. Khi đến đầu hẻm 68 Trần Quang K, phường U, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh, D đứng ngoài chờ còn T vào trong hẻm gặp F, T đưa tiền và nhận 01 gói nylon chứa ma túy “đá”, 01 túi nylon màu đen đựng 01 nỏ thủy tinh và 02 ống hút nhựa. T ra gặp D thì đưa cho D cầm túi nylon đen nêu trên, còn T cất giữ gói ma túy. Sau đó, cả hai đến khách sạn Đại Hồng thuê thì Công an kiểm tra, do sợ bị phát hiện nên T đã ném gói ma túy vào trong nhà vệ sinh của phòng. Không ai biết hay tham gia cùng T, D mua, cất giấu số ma túy trên.

Thông qua bạn bè ngoài xã hội cách ngày bị bắt khoảng 03 tháng, T biết được F có bán ma túy, T đã mua ma túy của F được 02 lần, mỗi lần đều mua 200.000 đồng ma túy “đá” và cũng là 02 lần mua ma túy để sử dụng chung với D.

Căn cứ Kết luận giám định số 7116/KL-KTHS ngày 09/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh, xác định: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Trần Quang T và hình dấu Công an phường 14, quận Bình Thạnh là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3328 g, loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 89/CT-VKSBBTh ngày 23 tháng 05 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, đã truy tố bị can Trần Quang T và Bành Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

2. Tại phiên tòa,

Bị cáo Trần Quang T và Bành Văn D khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng nêu. Các bị cáo thống nhất với tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã nêu, thừa nhận việc truy tố là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Sau khi kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh trình bày bản luận tội giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bị cáo Trần Quang T và Bành Văn D về tội phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”:

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Quang T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Bành Văn D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ **Về vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3328 g, loại Methamphetamine thu giữ của bị can T. Sau giám định khối lượng còn lại 0,2721 g;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 nỏ thủy tinh, 02 ống hút nhựa: là công cụ để T, D sử dụng ma túy;

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Samsung màu đen, gắn sim số 0389401426 của bị can T sử dụng liên hệ mua ma túy;

- Trả lại cho D: 01 điện thoại di động Samsung màu vàng đồng, gắn sim số 0705051952 là tài sản cá nhân của bị can D, không dùng vào việc liên hệ mua ma túy;

- 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: Honda AirBlade, biển số: 59E2 – 878.29, màu đen đỏ, số máy: JF63E-2037265, số khung: RLHJF6321HZ031218. Qua xác minh xe do chị Phan Thị Hồng H (sinh năm: 1988, HKTT: 19/25 Lam S, Phường O, quận P, TP. Hồ Chí Minh) đăng ký sở hữu. Tuy nhiên, chị Hạnh đã đi đâu không rõ, chưa làm việc được với Cơ quan điều tra. Qua làm việc với những người có liên quan đến chiếc xe trên là bị can T, chị Phan Thị K (sinh năm: 1983; HKTT: 46 Nguyễn Triệu L, phường T, quận B, TP. Hồ Chí Minh) và anh Tiêu E (sinh năm: 1996; HKTT: 517 Phạm Văn C, Phường J, Quận Q, TP. Hồ Chí Minh) xác định: Khoảng tháng 8/2022, bà Hạnh có đến bán chiếc xe máy trên cho cửa hàng xe máy Hiền Lâm (địa chỉ: 1147 Tỉnh Lộ X, phường T, quận B, TP. Hồ Chí Minh), chị Hiền là chủ cửa hàng đã nhận mua chiếc xe với giá 31.000.000 đồng sau đó tân trang lại rồi trưng bày xe để bán. Đến ngày 04/9/2022, T cùng vợ đến cửa hàng xe máy Hiền Lâm để mua chiếc xe máy trên thì chị Hiền báo giá 36.000.000 đồng nhưng T đăng ký trả góp nên chị Hiền đã liên hệ với Cương để làm thủ tục trả góp. Chị Hiền làm giấy tờ mua bán chiếc xe trên với Cương, Cương trả hết tiền và nhận xe cùng giấy tờ xe. Sau đó Cương làm hợp đồng trả góp với T. T trả trước cho Cương 18.000.000 đồng, còn 18.000.000 đồng thì T trả góp trong 10 tháng, mỗi tháng góp 2.700.000 đồng (1.800.000 đồng tiền gốc và 900.000 đồng lãi suất trả góp), sau khi ký hợp đồng xong thì Cương giao xe cho T, còn giấy tờ xe thì Cương giữ lại khi nào trả hết tiền thì Cương bàn giao lại sau. T đã góp được 01 tháng sau đó bị bắt nên chưa góp tiếp được, tổng số tiền T phải trả cho Cương là 45.000.000 đồng, T đã trả 20.700.000 đồng, còn lại 24.300.000 đồng. Xét về chiếc xe máy Honda AirBlade, biển số: 59E2 – 878.29, màu đen đỏ, số máy: JF63E-2037265, số khung: RLHJF6321HZ031218 giữa T và anh Tiêu E có làm hợp đồng mua bán trả góp với nhau. Nhận thấy xe trên dùng vào việc phạm tội là vật liên liên đến hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 24.300.000 đồng bị cáo T còn nợ anh Tiêu E thì tách ra giải quyết vụ án dân sự khác khi anh Tiêu E có yêu cầu.

- 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: SYMEN, biển số: 54S2 – 3663; số máy: VHLFM152FMH-VA44492; số khung: RMNWCHSMN7H014492. Qua xác minh xe do anh Trần Minh N (sinh năm: 1988, HKTT: 26A/1 Huỳnh Đình H, Phường

M, quận Z, TP. Hồ Chí Minh) đăng ký sở hữu. Tuy nhiên, anh N đã đi đâu không rõ, chưa làm việc được với Cơ quan điều tra. Bị cáo D khai chiếc xe này là của D mua của một người bạn ngoài xã hội (không rõ lai lịch) với giá 2.500.000 đồng vào năm 2021, D có làm giấy tờ mua bán và nhận giấy tờ xe nhưng đã bị thất lạc. Cơ quan CSĐT đã đăng báo tìm người liên quan đến chiếc xe nhưng đến nay vẫn chưa ai đến liên hệ làm rõ. Giao cơ quan Thi hành án dân quận Bình Thạnh tiếp tục đăng báo trong thời hạn 06 tháng, hết thời hạn trên nếu không ai đến nhận thì tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Phần tranh luận:

Các bị cáo không tham gia tranh luận.

4. Trong lời nói sau cùng:

Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tiêu E tại phiên tòa. Xét thấy, tại giai đoạn điều tra, anh Tiêu E đã được Cơ quan điều tra lấy lời khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên việc vắng mặt của anh Tiêu E không ảnh hưởng đến việc xét xử tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Tiêu E theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về tội danh:

Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi bị cáo tại phiên tòa: 02 bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã truy tố đối với 02 bị cáo. Căn cứ vào lời khai nhận tội của 02 bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của 02 bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Lúc 01 giờ 00 ngày 01/12/2022, tại Phòng 202, khách sạn Đại Hồng, địa chỉ: 142 Nơ Trang L, Phường N, quận Z, thành

phố Hồ Chí Minh, Công an quận Bình Thạnh kiểm tra hành chính và phát hiện hai đối tượng Trần Quang T, Bành Văn D cùng 01 gói nylon chứa 0,3328 g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine do T ném vào trong nhà vệ sinh. T và D đều khai nhận: D là người mượn tiền T để T đi mua ma túy, còn T là người trả tiền thuê phòng khách sạn để cả hai cùng sử dụng chung ma túy. Do đó, Trần Quang T và Bành Văn D phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với khối lượng ma túy là 0,3328g, loại Methamphetamine.

Căn cứ Kết luận giám định số 7116/KL-KTHS ngày 09/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh, xác định: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Trần Quang T và hình dấu Công an phường 14, quận Bình Thạnh là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3328 g, loại Methamphetamine.

Với hành vi như đã nêu trên của bị cáo Trần Quang T và Bành Văn D, xét thấy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cơ sở pháp lý, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Bị cáo Trần Quang T và Bành Văn D là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ nhận thức để nhận biết được tác hại của ma túy gây ra cho bản thân, gia đình và xã hội nhưng vẫn cố ý phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Vì vậy, bị cáo Trần Quang T và Bành Văn D phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, đây là hành vi mà pháp luật nghiêm cấm. Hành vi của 02 bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, không những gây ảnh hưởng đến trật tự trị an, đến sức khỏe của con người, làm lây lan tệ nạn nghiệp ngập ma túy trong xã hội mà còn gây khó khăn trong việc phòng chống các tội phạm về ma túy và các tệ nạn khác. Do đó, cần xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn, với mức án phù hợp, cách ly 02 bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm giáo dục 02 bị cáo trở thành người tốt cho xã hội, chấp hành pháp luật, đồng thời giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[3.2] *Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy:*

- Bị cáo Trần Quang T có nhân thân xấu không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

- Bị cáo Bành Văn D có nhân thân xấu, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

3.3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy 02 bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 249, Bộ luật hình sự đối với 02 bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

- 01 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3328 g, loại Methamphetamine thu giữ của bị can T. Sau giám định khối lượng còn lại 0,2721 g đây là vật Nhà nước cấm lưu hành nên Tịch thu tiêu hủy.

- 01 nỏ thủy tinh, 02 ống hút nhựa: là công cụ để T, D sử dụng ma túy, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động Samsung màu đen, gắn sim số 0389401426 của bị cáo T sử dụng liên hệ mua ma túy liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại di động Samsung màu vàng đồng, gắn sim số 0705051952 là tài sản cá nhân của bị can D, không dùng vào việc liên hệ mua ma túy nên trả lại cho bị cáo D.

- 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: Honda AirBlade, biển số: 59E2 – 878.29, màu đen đỏ, số máy: JF63E-2037265, số khung: RLHJF6321HZ031218. Do anh Tiêu E đứng tên chủ sở hữu, đây là phương tiện dùng để mua ma túy liên quan đến hành vi phạm tội. Tuy nhiên chiếc xe này giữa anh Tiêu E và T có hợp đồng trả góp T trả trước cho Cương 18.000.000 đồng, còn 18.000.000 đồng thì T trả góp trong 10 tháng, mỗi tháng góp 2.700.000 đồng (1.800.000 đồng tiền gốc và 900.000 đồng lãi suất trả góp), sau khi ký hợp đồng xong thì Cương giao xe cho T, còn giấy tờ xe thì Cương giữ lại khi nào trả hết tiền thì Cương bàn giao lại sau. T đã góp được 01 tháng sau đó bị bắt nên chưa góp tiếp được, tổng số tiền T phải trả cho Cương là 45.000.000 đồng, T đã trả 20.700.000 đồng, còn lại 24.300.000 đồng.

Đây là công cụ, phương tiện do bị cáo T quản lý, sử dụng, được bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: SYMEN, biển số: 54S2 – 3663; số máy: VHLMF152FMH-VA44492; số khung: RMNWCHSMN7H014492. Qua xác minh xe do anh Trần Minh N (sinh năm: 1988, HKTT: 26A/1 Huỳnh Đình H, Phường M, quận Z, TP. Hồ Chí Minh) đăng ký sở hữu. Tuy nhiên, anh N đã đi đâu không rõ, chưa làm việc được với Cơ quan điều tra. Bị can D khai chiếc xe này là của D

mua của một người bạn ngoài xã hội (không rõ lai lịch) với giá 2.500.000 đồng vào năm 2021, D có làm giấy tờ mua bán và nhận giấy tờ xe nhưng đã bị thất lạc. Cơ quan CSĐT đã đăng báo tìm người liên quan đến chiếc xe nhưng đến nay vẫn chưa ai đến liên hệ làm rõ. Nhận thấy xe trên do bị cáo D sử dụng vào việc phạm tội là vật liên quan đến hành vi phạm tội nên giao cơ quan Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh tiếp tục đăng báo trong thời hạn 06 tháng, hết thời hạn trên không ai đến nhận thì tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

[5]. Về dân sự: Đối với yêu cầu của ông Tiêu E buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm trả số tiền đến ngày xét xử là 24.300.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh Tiêu E đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử, nhưng vắng mặt không có lý do. Nhận thấy sự vắng mặt của anh Tiêu E không ảnh hưởng đến việc xét xử các bị cáo. Phần yêu cầu thanh toán về số tiền 24.300.000 đồng của anh Tiêu E đối với bị cáo T. Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi anh Tiêu E có yêu cầu.

[6]. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định.

- Đối với đối tượng tên F, sử dụng số điện thoại 090.295.3829, Cơ quan điều tra đang truy xét và xác minh số thuê bao, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

- Đối với khách sạn Đại Hồng, việc Trần Quang T và Bành Văn D thuê để sử dụng ma túy thì chủ khách sạn, người quản lý khách sạn không biết, nên không có cơ sở xử lý hành vi Chứa chấp, Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Quang T 01 (Một) năm 09 (chín) tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng 12 năm 2022.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bành Văn D 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng 12 năm 2022.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 1420/22, có chữ ký ghi tên giám định viên Huỳnh Thanh Thảo và Điều tra viên Phan Thanh Tú. Bên trong mẫu vật còn lại sau khi phục vụ công tác giám định là: tinh thể không màu có khối lượng 0,2721 g;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 nỏ thủy tinh, 02 ống hút nhựa.

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Samsung màu đen, gắn sim số 0389401426-không kiểm tra tình trạng hoạt động;

- Trả lại cho bị cáo D: 01 điện thoại di động Samsung màu vàng đồng, gắn sim số 0705051952-không kiểm tra tình trạng hoạt động.

- Tịch thu 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: Honda AirBlade, biển số: 59E1 – 878.29, màu đen đỏ, số máy: JF63E-2037265, số khung: RLHJF6321HZ031218, loại xe: 02 bánh từ 50-175cm³; dung tích xi lanh: 124-không kiểm tra tình trạng hoạt động.

- Giao cơ quan Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh tiếp tục đăng báo trong thời hạn 06 tháng đối với xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: SYMEN, số loại: 110, biển số: 54S2 – 3663; số máy: VHLFM152FMH-VA44492; số khung: RMNWCHSMN7H014492, loại xe: 02 bánh từ 50-175cm³, dung tích xi lanh: 124-không kiểm tra tình trạng hoạt động, hết thời hạn trên không ai đến nhận thì tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 07 tháng 06 năm 2023 giữa Cơ quan điều tra Công an quận Bình Thạnh quận Bình Thạnh với Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh).

4. Về dân sự:

Yêu cầu thanh toán về số tiền 24.300.000 đồng của anh Tiêu E đối với bị cáo T. Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi anh Tiêu E có yêu cầu.

5. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH/13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Bị cáo Trần Quang T và Bành Văn D, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Bị cáo Trần Quang T, Bành Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ANH Tiêu

E được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Công an quận Bình Thạnh;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Trại giam;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh-PC06;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng